

Số: 50/TB-HĐTDCC

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

**Kết quả chấm phúc khảo môn nghiệp vụ chuyên ngành
kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023**

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thí sinh đề nghị chấm phúc khảo.

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh về việc tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 (sau đây gọi tắt là Hội đồng);

Căn cứ kết quả chấm phúc khảo và cuộc họp Hội đồng ngày 29/6/2023.

Hội đồng thông báo kết quả chấm phúc khảo môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 như sau:

1. Danh sách kết quả chấm phúc khảo môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ: <http://sonoivu.phuyen.gov.vn/> và cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Phú Yên: <https://www.phuyen.gov.vn/>.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thông báo đến người có đơn đề nghị phúc khảo.

Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân được biết, thực hiện./. *Ng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Thành viên HĐTD;
- Ban Giám sát;
- Công TTĐT UBND tỉnh;
- Trang TTĐT SNV;
- Lưu VT, HĐTDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Trương Ngọc Tuấn**

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO
MÔN: NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

(Kèm theo Thông báo số 50/TB-HĐTDCC, ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Nhóm ngành dự tuyển	Điểm chấm phúc khảo	Ghi chú
1	Phan Thị Mai Thơm	02/12/1998	LĐT BXH.20	Quản lý Bảo hiểm xã hội	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	Lao động- Thương binh và Xã hội	43,00	
2	Trần Nguyên Huyền Vũ	21/08/1997	NLNTM.19	VP điều phối nông thôn mới (Theo dõi công tác xây dựng NTM)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nông- lâm- Quản lý Nông thôn mới	62,00	
3	Võ Văn Thịnh	03/02/1998	NLNTM.06	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nông- lâm- Quản lý Nông thôn mới	31,00	
4	Phạm Ngọc Tú	02/01/1982	NLNTM.13	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nông- lâm- Quản lý Nông thôn mới	42,00	
5	Ngô Thị Thu Sang	15/08/1988	TC.21	Quản lý Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Tài chính	62,00	
6	Bùi Quốc Phong	04/10/1998	TC.16	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân	Tài chính	54,00	
7	Trần Thị Như Thoa	28/08/1993	TC.29	Quản lý Ngân sách	Sở Tài chính	Tài chính	30,00	
8	Lê Thị Thanh Thúy	21/12/1989	TC.35	Quản lý Kế hoạch- Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Tài chính	46,00	
9	Văn Thị Mỹ Hạnh	19/12/1996	TTR.13	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa	Thanh tra	45,00	
10	Lê Thị Bích Chuẩn	26/12/1996	TTR.04	Tiếp Công dân	UBND huyện Tây Hòa	Thanh tra	41,00	
11	Ngô Tiểu Linh Đan	19/12/1998	TTR.05	Thanh tra	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thanh tra	25,00	
12	Phạm Hồng Hải	19/10/2000	TTR.11	Thanh tra	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thanh tra	50,00	
13	Trần Quế Anh	26/11/1998	TTR.01	Thanh tra	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thanh tra	53,00	
14	Nguyễn Lê Hữu Phúc	12/02/1993	TTR.26	Thanh tra	Sở Y tế	Thanh tra	47,00	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Nhóm ngành dự tuyển	Điểm chấm phúc khảo	Ghi chú
15	Trần Thị Anh Thư	29/04/1999	TTR.38	Thanh tra	UBND huyện Tây Hòa	Thanh tra	42,00	
16	Dương Nhật Thiên	27/08/1998	TTR.34	Thanh tra	UBND huyện Tây Hòa	Thanh tra	40,00	
17	Nguyễn Thị Thùy Dương	10/02/1988	TS.01	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy sản	50,00	
18	Đặng Quang Huy	07/11/2000	TP.13	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tư pháp	41,00	
19	Lê Vũ Trang Nhi	05/02/1999	TP.24	Pháp chế	Sở Tài chính	Tư pháp	43,00	
20	Lê Huỳnh Như	16/10/1997	TP.27	Pháp chế	Sở Giao thông vận tải	Tư pháp	83,00	
21	Đỗ Tấn Phong	17/09/1997	TP.30	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tư pháp	32,00	
22	Lê Hoàng Thân	15/07/1992	TP.33	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tư pháp	50,00	
23	Đỗ Đức Bích Tuyền	20/05/1992	TP.41	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tư pháp	46,00	
24	Đoàn Trung Thành	04/10/1993	GTVT.07	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	42,00	
25	Nguyễn Thị Trang	15/01/1987	NV.25	Quản lý CQĐP và CTTN	UBND huyện Tây Hòa	Nội vụ	44,00	
26	Trần Thị Trinh	11/01/1995	VHTTDL.18	Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50,00	
27	Huỳnh Thị Minh Tuyền	23/10/1996	VHTTDL.20	Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50,00	
28	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	09/06/1993	VHTTDL.03	Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50,00	
29	Nguyễn Đình Cẩn	03/02/1989	TNMT.02	Thẩm định giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên- Môi trường	30,00	
30	Hoàng Thị Ngọc Anh	05/08/1986	TNMT.01	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên- Môi trường	41,00	
31	Nguyễn Ngọc Phú	16/02/1995	TNMT.17	Quản lý đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên- Môi trường	35,00	
32	Võ Trọng Đại	17/02/1995	TNMT.03	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa	Tài nguyên- Môi trường	40,00	
33	Võ Sô Philip	13/9/1992	TNMT.16	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh	Tài nguyên- Môi trường	55,00	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Nhóm ngành dự tuyển	Điểm chấm phúc khảo	Ghi chú
34	Nguyễn Anh Kiệt	14/08/1991	TNMT.08	Quản lý Đất đai	UBND thành phố Tuy Hòa	Tài nguyên- Môi trường	36,00	
35	Lê Thị Cẩm Thu	23/02/1998	TNMT.25	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa	Tài nguyên- Môi trường	50,00	
36	Trần Văn Ý	07/04/1997	TNMT.35	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh	Tài nguyên- Môi trường	50,00	
37	Nguyễn Ngọc Như Sơn	01/02/1985	HC.09	Hành chính tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hành chính	50,00	
38	Đinh Thị Hoài Linh	18/03/1994	TL.03	Quản lý Công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy lợi	36,00	
39	Ngô Thị Thanh Tuyền	06/02/1988	XD.10	Quản Lý Kiến Trúc & Quy Hoạch	Sở Xây dựng	Xây dựng	36,00	
40	Nguyễn Hùng Nhung	02/10/1994	XD.05	Quản lý Xây dựng	UBND huyện Sơn Hòa	Xây dựng	42,00	
41	Lê Thị Thanh Phượng	19/03/1996	KHĐT.16	Quản lý Quy hoạch- Kế hoạch	Sở Y tế	Kế hoạch đầu tư	59,00	
42	Ngô Vũ Đình Khiêm	23/10/1985	KHĐT.13	Thẩm định chủ trương đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch đầu tư	69,00	
43	Nguyễn Thị Ngọc	01/04/1989	GĐĐT.08	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	UBND huyện Phú Hòa	Giáo dục và Đào tạo	45,00	
44	Nguyễn Chánh Toàn	15/08/1994	GĐĐT.15	Quản lý giáo dục THCS	UBND huyện Tây Hòa	Giáo dục và Đào tạo	66,00	

Tổng cộng: Có 44 thí sinh./.

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2023

TM. HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Trương Ngọc Tuấn